



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 173 + 174

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

20-02-2025- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4

20-02-2025- Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

14

- 20-02-2025- Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND về việc sửa đổi Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. 21
- 20-02-2025- Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non dưới 05 tuổi, học sinh trung học phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 - 2026. 24
- 20-02-2025- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ chế độ điều dưỡng, hội nghị, tham quan, về nguồn đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 28
- 20-02-2025- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND về mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở trợ giúp xã hội Thành phố quản lý. 32
- 20-02-2025- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh. 35

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 12-02-2025- Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ban hành quy định về miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên sau khi bị kỷ luật hoặc uy tín giảm sút; năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 40
- 13-02-2025- Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 6301/1998/QĐ-UB-NC ngày 21 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế và Nội quy thi nâng ngạch viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trong doanh nghiệp Nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. 53
- 13-02-2025- Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, sử dụng nhà biệt thự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 55
- 17-02-2025- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 64

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

### NGHỊ QUYẾT

Quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI MỐT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi hưu;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ*

quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 1033/TTr-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-BPC ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc thực hiện****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định đối tượng, chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc; thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý thấp hơn; được tăng cường đi công tác ở cơ sở khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; do không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cấp xã; các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố;

b) Các Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; thuộc các sở, ngành Thành phố; thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, tinh gọn bộ máy;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm theo quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 bao gồm: người ký hợp đồng lần đầu làm việc các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và sự nghiệp công lập; người ký hợp đồng lần đầu làm việc các công việc chuyên môn, nghiệp vụ

hoặc người làm việc trong chỉ tiêu biên chế trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức (sau đây gọi chung là người lao động);

đ) Các trường hợp là người quản lý doanh nghiệp nhà nước, cán bộ chuyên trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng.

### 3. Nguyên tắc thực hiện

a) Bảo đảm chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức đơn vị trong hệ thống chính trị thuộc Thành phố sau sắp xếp theo đúng quy định;

b) Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ hỗ trợ thêm tại các Nghị quyết khác nhau của Hội đồng nhân dân Thành phố thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ thêm cao nhất.

## **Điều 2. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi có thời gian công tác còn dưới 02 năm so với tuổi nghỉ hưu (theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ) tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

a) Trợ cấp thêm 12 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

2. Hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi có thời gian công tác còn đủ 02 năm đến đủ 5 năm so với tuổi nghỉ hưu (theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ).



a) Trợ cấp thêm 12 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định (tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ);

c) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

3. Hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi có thời gian công tác còn trên 5 năm đến đủ 10 năm so với tuổi nghỉ hưu (theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

a) Trợ cấp thêm 12 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) Trợ cấp thêm 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

4. Cách xác định thời gian và tiền lương hiện hưởng để thực hiện chính sách theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 3. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ thôi việc theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Trợ cấp thêm 18 tháng tiền lương hiện hưởng;

2. Trợ cấp thêm 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc;

3. Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.

4. Cách xác định thời gian và tiền lương hiện hưởng để thực hiện chính sách theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 4. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng**

1. Hỗ trợ thêm 03 tháng tiền lương tối thiểu vùng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

2. Mức hỗ trợ thêm thực hiện trên cơ sở khả năng cân đối của doanh nghiệp, nguồn kinh phí giải quyết chế độ hỗ trợ thêm từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

**Điều 5. Một số chế độ hỗ trợ thêm khác đối với trường hợp thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Cán bộ kéo dài thời gian công tác theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ nếu nghỉ hưu thì được hỗ trợ thêm trợ cấp hưu trí một lần bằng 30 tháng tiền lương hiện hưởng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại thì được hưởng chế độ thêm bằng 02 lần mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ cho đến hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời hạn bổ nhiệm. Trường hợp đã giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng.

3. Chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức tăng cường đi công tác ở cơ sở

a) Hỗ trợ thêm một lần bằng 10 tháng tiền lương hiện hưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị Thành phố được cấp có thẩm quyền cử tăng cường đi công tác ở cấp xã trong thời gian 03 năm.

b) Hỗ trợ thêm một lần bằng 05 tháng tiền lương hiện hưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị Thành phố được cấp có thẩm quyền cử tăng cường đến làm việc tại cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp huyện.

**Điều 6. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi;

2. Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng. Trường hợp đủ mười lăm năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm thôi việc, nghỉ hưu thì được trợ cấp 06 tháng tiền lương hiện hưởng đối với mười lăm năm đầu công tác; từ năm thứ mười sáu trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

3. Tiền lương hiện hưởng để thực hiện chính sách theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và đơn vị sự nghiệp (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) kinh phí để tổ chức thực hiện Nghị quyết từ nguồn cải cách tiền lương của Thành phố và nguồn ngân sách Thành phố bố trí theo phân cấp ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Các đơn vị tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên), Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do đơn vị chi trả từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

**Điều 8. Thời gian thực hiện chế độ hỗ trợ thêm**

1. Chế độ hỗ trợ thêm theo quy định tại Điều 2, 3, 5 của Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ có

hiệu lực thi hành đối với các trường hợp nghỉ hưu sớm, nghỉ thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị.

2. Chế độ hỗ trợ thêm theo quy định tại Điều 2, 3, 4, 6 đối với các trường hợp thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố; các Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện cơ cấu lại, sắp xếp tổ chức đảng và không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ được thực hiện kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Trường hợp giải quyết chính sách, chế độ ngay trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, sắp xếp tổ chức đảng của cấp có thẩm quyền được hưởng nguyên mức hỗ trợ thêm tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này. Trường hợp giải quyết chính sách, chế độ từ tháng thứ 13 theo quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, sắp xếp tổ chức đảng của cấp có thẩm quyền được hưởng bằng 0,5 mức hỗ trợ thêm tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

2. Việc thực hiện chế độ hỗ trợ thêm quy định tại Điều 2, 3, 4, 5, 6 của Nghị quyết này căn cứ theo quyết định giải quyết chế độ, chính sách của cấp có thẩm quyền quản lý và áp dụng cho các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát, kịp thời đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2025.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Điều 4 Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ do tinh giản biên chế; nghỉ do dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính; nghỉ công tác trước tuổi do không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ

nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ; nghỉ công tác trước tuổi không thuộc diện tinh giản biên chế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp đã giải quyết hưởng chế độ hỗ trợ thêm theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này ban hành thì không được hưởng chế độ hỗ trợ thêm quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## **NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND  
ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh  
về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập  
trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện*

*pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 1078/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Báo cáo thẩm tra số 66/BC-BPC ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức:**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Chức năng của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về: hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các cơ quan nhà nước ở

địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; quản lý, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc, phần mềm ứng dụng, hệ thống mạng của trụ sở hành chính; lễ tân đối ngoại.

## 2. Phòng Nội vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách chế độ công chức, công vụ; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức phường và những người hoạt động không chuyên trách ở phường, ở khu phố; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; thi đua, khen thưởng; công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; lao động, tiền lương trong khu vực kinh doanh và việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới.

## 3. Phòng Tư pháp

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

## 4. Thanh tra

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

## 5. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và



tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp.

#### 6. Phòng Y tế

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện quản lý nhà nước về: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; dân số; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội.

#### 7. Phòng Tài chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính - ngân sách; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt đề án sử dụng tài sản công là nhà, đất vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết của cơ quan hành chính phường, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân thuộc thành phố Thủ Đức sau khi có ý kiến của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

#### 8. Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại; kế hoạch, đầu tư; thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định quyết định phê duyệt dự án; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định chủ trương đầu tư; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định phê duyệt dự án, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết các hợp đồng dự án đối với các dự án nhóm B, nhóm C đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 và pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật; chăn nuôi và thú y; trồng trọt và bảo vệ thực vật; khuyến nông; khuyến ngư; giảm nghèo.

### 9. Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện quản lý nhà nước về: báo chí; xuất bản; văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

### 10. Phòng Khoa học - Công nghệ và Thông tin

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về: hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

### 11. Phòng Quy hoạch - Đất đai

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: quy hoạch xây dựng, kiến trúc; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các đồ án trên địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trừ các nội dung đã được quy định tại khoản 7 Điều 9 của Nghị quyết số 98/2023/QH15; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; quản lý tổng hợp tài nguyên; đo đạc và bản đồ; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng.

### 12. Phòng Giao thông công chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về lĩnh vực: giao thông vận tải (giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, cầu, hầm, đường thủy nội địa và các công trình khác phục vụ giao thông vận tải); hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn, chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, cây xanh đô thị, nghĩa trang, bãi đỗ xe, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và các công trình tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác); hạ tầng thủy lợi (công trình thủy lợi, đê điều); môi trường, biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai.

### 13. Thanh tra Xây dựng

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về: thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành; công tác quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị; xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, vệ sinh môi trường, trật tự lòng lề đường, nơi công cộng; theo dõi việc thực hiện các quyết định hành chính đã ban hành,

đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước về trật tự xây dựng, trật tự đô thị của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Trường Trung cấp Đông Sài Gòn: là cơ sở giáo dục nghề nghiệp trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.”

3. Bổ sung khoản 8 Điều 9 như sau:

“8. Ban Quản lý Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc: có chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ quản lý đầu tư phát triển công viên, bao gồm: quản lý, giám sát quá trình đầu tư phát triển công viên theo quy hoạch và kế hoạch; quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật các dự án trong giai đoạn đầu tư xây dựng; trực tiếp quản lý các dự án sử dụng nguồn ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố giao; được sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đúng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, thực hiện chức năng kinh doanh, dịch vụ trong công viên gắn liền với lĩnh vực du lịch và thực hiện một số nhiệm vụ khác về triển khai phát triển công viên.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Trung tâm Phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức: thực hiện chức năng thay mặt Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức làm đại diện chủ sở hữu, quản lý khai thác, vận hành, bảo trì liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông đường bộ, hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, hạ tầng thủy lợi và quản lý, bảo trì, khai thác hệ thống công viên, cây xanh đô thị; làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thủy lợi và hạ tầng - xã hội, tổ chức thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng mới, công trình nâng cấp, cải tạo mở rộng, quản lý duy tu, sửa chữa đối với các dự án khác liên quan sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Tổ chức cung cấp các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng hỗ trợ, kết nối tạo môi trường thuận lợi, hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ đào tạo nhân lực chất lượng cao cho hoạt động đổi mới sáng tạo, xúc tiến đầu tư và khoa học - công nghệ; hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, khối trường, viện, nhà đầu tư và doanh nghiệp hợp tác phát triển các sản phẩm, dịch vụ khoa học - công nghệ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động xúc tiến đầu tư phục vụ xây dựng chính quyền số cho thị trường trong và ngoài nước; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (không gian làm việc chung, huấn luyện kỹ năng, cố vấn khởi nghiệp, đầu tư khởi nghiệp...); nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và là đầu mối phối hợp các tổ chức có liên quan để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc các chương trình, kế hoạch của thành phố Thủ Đức về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, công nghệ thông tin và xúc tiến đầu tư.”.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ hằng năm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố  
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy  
của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của*

*Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Xét Tờ trình số 1070/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận và biểu quyết thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

“2. Sở An toàn thực phẩm có cơ cấu bao gồm:

- a) Văn phòng Sở.
- b) Thanh tra Sở.
- c) Phòng Quản lý hành nghề.
- d) Phòng Quản lý tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm.
- đ) Phòng Giám sát ngộ độc thực phẩm và Thông tin truyền thông.”

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

3. Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non dưới 05 tuổi,  
học sinh trung học phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập,  
ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trung học phổ thông  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 - 2026**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*



*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 1064/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non dưới 05 tuổi, học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh trung học phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 - 2026.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non dưới 05 tuổi, học sinh trung học phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Trẻ em mầm non dưới 05 tuổi, học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không bao gồm các học sinh đang học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 2. Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non dưới 05 tuổi, học sinh trung học phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 - 2026**

### 1. Mức hỗ trợ

Cấp học	Mức hỗ trợ học phí (đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	120.000
Mẫu giáo (không bao gồm mẫu giáo 05 tuổi)	160.000	100.000
Trung học phổ thông	120.000	100.000
Giáo dục thường xuyên Trung học phổ thông	120.000	100.000

a) Nhóm 1: học sinh học tại các trường ở thành phố Thủ Đức và các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

b) Nhóm 2: học sinh học tại các trường ở các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

2. Thời gian áp dụng: từ năm học 2025 - 2026.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành.

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ chế độ điều dưỡng, hội nghị, tham quan,  
về nguồn đối với người có công với cách mạng và thân nhân  
người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 9 tháng 12 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành*

*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 1039/TTr-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định chính sách hỗ trợ chế độ điều dưỡng, hội nghị, tham quan, về nguồn đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND-VHXH ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ chế độ điều dưỡng tập trung, hội nghị, tham quan, về nguồn đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng đang hưởng chế độ ưu đãi và có đăng ký thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 2. Hỗ trợ chi phí đưa đón, chi phí ăn, ở (nếu có) phát sinh trong thời gian đi đường (đi và về) của đối tượng đi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung và hỗ trợ chi phí đi tham quan, về nguồn, dự hội nghị**

### 1. Nội dung hỗ trợ

a) Chi phí thuê phương tiện đưa đón đi và về (bao gồm cả chi phí thuê phương tiện đưa đón đến sân bay, nhà ga): bằng tàu lửa, ô tô hoặc máy bay (hạng phổ thông) được thanh toán theo hóa đơn thực tế.

b) Hỗ trợ chi phí ăn uống thanh toán theo hóa đơn thực tế: tối đa 180.000 đồng/người/buổi (không quá 03 buổi/ngày).

c) Hỗ trợ chi phí thuê phòng nghỉ được thanh toán theo hóa đơn thực tế, cụ thể: đối với các quận, thành phố thuộc Thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: thanh toán mức giá thuê phòng ngủ tối đa là 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng; đối với các vùng còn lại: thanh toán mức giá thuê phòng ngủ tối đa là 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

### 2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ đi tham quan, về nguồn, dự hội nghị 01 lần/người/năm do Trung ương hoặc Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam Thành phố tổ chức và mời tham dự.

b) Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ chi phí đưa đón, ăn uống, phòng nghỉ trong thời gian tham gia điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung là những người được hưởng chế độ ưu đãi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung theo

quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và quy định pháp luật có liên quan.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách Thành phố và ngân sách quận, huyện, thành phố Thủ Đức theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 3 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn  
Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở trợ giúp xã hội Thành phố quản lý**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều*



theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Xét Tờ trình số 857/TTr-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở trợ giúp xã hội Thành phố quản lý; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở trợ giúp xã hội do Thành phố quản lý.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Người cao tuổi là công dân Việt Nam ở các độ tuổi xác định là 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 đang cư trú hợp pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có đăng ký thường trú hoặc tạm trú từ 06 tháng trở lên) và các cơ sở trợ giúp xã hội Thành phố quản lý.

### **Điều 2. Mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi**

1. Người cao tuổi 70 tuổi và 75 tuổi: mức chi bằng tiền mặt 800.000 đồng/người/lần.

2. Người cao tuổi 80 tuổi và 85 tuổi: mức chi bằng tiền mặt 1.200.000 đồng/người/lần.

3. Người cao tuổi 90 tuổi, 95 tuổi và trên 100 tuổi: mức chi bằng tiền mặt 1.500.000 đồng/người/lần.

4. Người cao tuổi 100 tuổi: mức quà tặng gồm: mức chi bằng tiền mặt 1.500.000 đồng/người/lần; 05 mét vải lụa (tối đa 700.000 đồng/người); khánh vàng mừng thọ (theo định mức khối lượng vàng là 0,08 chỉ vàng 24K/cái, tiền gia công chế tác chữ, in hình trên

khánh và tiền khung, tối đa 1.500.000 đồng/cái).

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 3 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định về mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Khoá X Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 971/TTr-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 55/BC-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam (gọi tắt là tổ chức);

b) Cơ quan nhà nước (gọi tắt là cơ quan);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị);

d) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội (gọi tắt là tổ chức).

### **Điều 2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên**

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định việc mua sắm và sử dụng kinh

phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

**Điều 3. Thẩm quyền quyết định hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Thành ủy quyết định việc đầu tư, mua sắm hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và quyết định việc đầu tư, mua sắm hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình và đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức là đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố quyết định việc đầu tư, mua sắm hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và quyết định việc đầu tư, mua sắm hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền được giao tại Nghị quyết này có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong thời gian từ khi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến khi Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân Thành phố phải thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật có liên quan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà

nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố .

b) Quán triệt, chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trong quá trình quyết định việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định pháp luật liên quan.

c) Tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu về việc chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, sử dụng ngân sách để đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

d) Thực hiện nghiêm Công điện số 125/CĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ ngành, địa phương đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Rà soát chặt chẽ việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chỉ thực hiện các khoản chi thực sự cần thiết, bảo đảm hiệu quả sử dụng tài sản công, đảm bảo chất lượng đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Trong quá trình triển khai thực hiện việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin cần nhắc, chọn lựa đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin một cách hợp lý, đảm bảo đồng bộ với nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy nhằm tránh đầu tư trùng lắp, hướng tới mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất đối với việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đảm bảo họ hiểu rõ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải gắn với các mục tiêu phát triển bền vững của Thành phố, đáp ứng nhu cầu của người dân, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực ngân sách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ

---

họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên sau khi bị kỷ luật hoặc uy tín giảm sút; năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính



*phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ Tờ trình số 10706/TTr-SNV ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6426/BC-STP ngày 01 tháng 10 năm 2024, Công văn số 8592/STP-VB ngày 18 tháng 12 năm 2024 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên sau khi bị kỷ luật hoặc uy tín giảm sút; năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2025.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các công ty 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố, Tổng biên tập các cơ quan báo chí thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ,  
công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp,  
kiểm soát viên, sau khi bị kỷ luật hoặc uy tín giảm sút; năng lực hạn chế,  
kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu thuộc thẩm quyền quản lý  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**  
(Kèm theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, căn cứ, hướng dẫn việc xem xét miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi bị kỷ luật hoặc uy tín giảm sút; năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Điều chuyển, thay thế*” là việc cấp có thẩm quyền quyết định điều động, bố trí công tác khác.

2. “*Cấp có thẩm quyền*” là tập thể lãnh đạo hoặc ban thường vụ cấp ủy hoặc người đứng đầu cơ quan được giao quyền đề xuất, thẩm định, tham mưu và quyết định về công tác tổ chức, cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3. “*Tập thể lãnh đạo*” là cơ quan lãnh đạo, quản lý, chỉ huy ở các tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ lãnh đạo tập thể.

4. “*Uy tín giảm sút*” là khi cán bộ có một trong các trường hợp như sau:

a) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

b) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đến mức phải xử lý kỷ luật hình thức “cảnh cáo” trở lên.

c) Kết quả lấy phiếu tín nhiệm: nếu có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp (kể cả trường hợp lấy phiếu tín nhiệm đột xuất khi có chỉ đạo của cấp trên).

5. “*Năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu*” thể hiện một trong các trường hợp sau:

a) Địa phương, cơ quan, đơn vị được phân công trực tiếp phụ trách được xếp loại “không hoàn thành nhiệm vụ” 01 năm và có hạn chế, khuyết điểm đến mức cấp có thẩm quyền phê bình bằng văn bản.

b) Địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách có 02 năm liên tục xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và có hạn chế, khuyết điểm đến mức cấp có thẩm quyền phê bình bằng văn bản.

c) Cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình vi phạm tham ô, tham nhũng và có nhiều cán bộ bị xử lý kỷ luật theo quy định (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục được hậu quả).

d) Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm.

6. “*Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng*” là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

7. “*Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng*” là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại

rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

8. “*Khi có đủ căn cứ*” là cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản liên quan đến căn cứ để thực hiện việc miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế.

### **Điều 3. Nguyên tắc**

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu nêu cao trách nhiệm trong việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên khi có đủ căn cứ.

4. Việc xem xét, quyết định miễn nhiệm, từ chức; điều chuyển, thay thế cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên phải thực hiện đúng chủ trương, quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ, đồng thời đề cao trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên, nhất là người đứng đầu.

5. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên bị xử lý kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà năng lực hạn chế, uy tín giảm sút tự nguyện xin từ chức. Nếu không tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm, điều chuyển, thay thế theo quy định.

6. Khi chưa có quyết định miễn nhiệm, từ chức thì cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được điều chuyển, thay thế được xem xét bổ

trí công tác phù hợp trình độ, năng lực, đạo đức, kinh nghiệm theo yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

7. Trường hợp tự nguyện xin điều chuyển, thay thế vị trí công tác do nhận thấy uy tín giảm sút hoặc năng lực, sức khỏe hạn chế; do nhận thấy có trách nhiệm đối với các sai phạm, yếu kém của cơ quan, đơn vị phụ trách, thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8. Không bố trí giữ chức vụ quản lý đối với lĩnh vực mà người bị điều chuyển đã vi phạm (là nguyên nhân của việc điều chuyển, thay thế).

#### **Điều 4. Thẩm quyền**

1. Thực hiện theo phân cấp quản lý công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, đề xuất, thực hiện việc miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

4. Tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

### **Chương II**

## **CĂN CỨ XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC, ĐIỀU CHUYỂN, THAY THẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, CƠ QUAN BÁO CHÍ, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, KIỂM SOÁT VIÊN UY TÍN GIẢM SÚT; NĂNG LỰC HẠN CHẾ, KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU**

#### **Điều 5. Căn cứ xem xét miễn nhiệm**

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.

3. Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

7. Đang bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Căn cứ xem xét từ chức**

Việc xem xét đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do hạn chế về năng lực hoặc uy tín giảm sút để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.

3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Có đơn tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

5. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

#### **Điều 7. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách**

**nhiệm người đứng đầu**

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận về cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét xử lý kỷ luật trước khi cho từ chức.

3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

4. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

**Điều 8. Căn cứ xem xét điều chuyển, thay thế cán bộ**

1. Để đơn vị mất đoàn kết hoặc là nhân tố gây mất đoàn kết trong đơn vị theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả kiểm điểm, đánh giá xếp loại cán bộ, tổ chức, cơ quan, đơn vị đến mức cơ quan có thẩm quyền kết luận năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu.

2. Qua kết luận kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp, thanh tra nhà nước và thanh tra chuyên ngành chỉ ra những tồn tại, hạn chế kéo dài tại địa phương, đơn vị, lĩnh vực thuộc phạm vi phụ trách.

3. Có nhiều đơn thư, dư luận, thông tin phản ánh về năng lực, phẩm chất, đạo đức, lối sống, vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm, trách nhiệm nêu gương và được các tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận có cơ sở.

4. Những trường hợp có trên 50% nhưng dưới 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp.



**Chương III****TRÌNH TỰ XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC CỦA CÁN BỘ;  
ĐIỀU CHUYỂN, THAY THẾ CÁN BỘ VÀ BỐ TRÍ CÔNG TÁC  
ĐỐI VỚI CÁN BỘ SAU KHI TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM**

**Điều 9. Trình tự xem xét miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý**

1. Khi có đủ căn cứ xem xét miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc Sở Nội vụ có trách nhiệm làm việc, trao đổi với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tại các cơ quan, đơn vị, địa phương do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sau khi làm việc với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả làm việc, đề xuất phương án bố trí công tác sau khi miễn nhiệm từ chức, điều chuyển, thay thế trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố cho chủ trương, quyết định hoặc trình Ban Thường vụ Thành ủy cho chủ trương hoặc xem xét, quyết định (thông qua Ban Tổ chức Thành ủy).

3. Trên cơ sở chủ động đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố. Sở Nội vụ thẩm định, đánh giá đề xuất của đơn vị, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố cho chủ trương hoặc trình Ban Thường vụ Thành ủy (thông qua Ban Tổ chức Thành ủy) xem xét, quyết định.

4. Căn cứ quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

**Điều 10. Trình tự xem xét miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị theo phân**

**cấp quản lý**

1. Khi có đủ căn cứ xem xét miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Hành chính - Tổ chức, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nội vụ, Văn phòng Sở/Ban (sau đây gọi là Cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ) tham mưu cấp ủy, người có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế cán bộ.

2. Quy trình xem xét thực hiện miễn nhiệm, từ chức, điều chuyển, thay thế cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý

a) Cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ xin ý kiến cấp ủy về phương án dự kiến bố trí cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý

b) Sau khi có ý kiến của cấp ủy, Cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ có trách nhiệm làm việc, trao đổi với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp thẩm quyền quản lý.

c) Sau khi làm việc với cán bộ, Cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ báo cáo người đứng đầu và xin ý kiến cấp ủy cùng cấp về kết quả làm việc.

d) Căn cứ quyết định của cấp ủy cùng cấp về công tác cán bộ, Cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

**Điều 11. Việc bố trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên sau khi từ chức, miễn nhiệm,**

1. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc xin nghỉ công tác thì cấp có thẩm quyền xem xét theo nguyện vọng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên có nguyện vọng tiếp tục công tác thì cấp có thẩm quyền có thể căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét, bố trí công tác phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cụ thể

như sau:

a) Trường hợp thời gian công tác còn dưới 05 năm: xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý), được giữ nguyên ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đã được bổ nhiệm.

b) Trường hợp thời gian công tác còn từ 05 năm trở lên:

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên sau khi bị kỷ luật tự nguyện xin từ chức thì được cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công tác theo hướng giảm một cấp so với chức vụ khi bị kỷ luật. Sau 24 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt những sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử lại chức danh đã đảm nhiệm hoặc tương đương.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên bị miễn nhiệm do có trên 2/3 phiếu tín nhiệm thấp, cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công tác theo hướng giảm một cấp theo quy định về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở của Ban Thường vụ Thành ủy. Sau 24 tháng công tác ở vị trí mới, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử lại chức danh đã đảm nhiệm hoặc tương đương.

3. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, cơ quan báo chí, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên bị miễn nhiệm do xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ hai (02) năm liên tiếp thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết cho thôi việc theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố, Ủy

ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các công ty 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố, các cơ quan báo chí thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị và tổ chức thực hiện Quy định này; chỉ đạo cụ thể hóa phù hợp từng cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Thanh tra Thành phố theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy định này. Hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Sở Nội vụ phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 6301/1998/QĐ-UB-NC ngày 21 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế và Nội quy thi nâng ngạch viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trong doanh nghiệp Nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo*

*Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 33306/TTr-SLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 8933/BC-STP ngày 27 tháng 12 năm 2024 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 6301/1998/QĐ-UB-NC ngày 21 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế và Nội quy thi nâng ngạch viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trong doanh nghiệp Nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 02 năm 2025.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng nhà biệt thự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh  
doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính  
phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và  
bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm

2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 991/TTr-SXD-QLN&CS ngày 24 tháng 01 năm 2025, Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 8753/BC-STP ngày 23 tháng 12 năm 2024 và kết quả biểu quyết của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng nhà biệt thự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị quản lý vận hành nhà biệt thự thuộc tài sản công và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Về quản lý, sử dụng nhà biệt thự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND

ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ đã được phân nhóm theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Nhà ở) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với nhà biệt thự không thuộc khoản 1 Điều này được quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng và Quy chế quản lý nhà biệt thự (nếu có) do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sở hữu, sử dụng nhà biệt thự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước, đơn vị quản lý vận hành nhà biệt thự thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng nhà biệt thự

1. Việc quản lý, sử dụng và bảo trì, cải tạo nhà biệt thự phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Nhà ở.

2. Việc quản lý, sử dụng nhà biệt thự phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về quản lý quy hoạch, kiến trúc, pháp luật về nhà ở, đất đai, xây dựng, pháp luật về di sản văn hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với những khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì khi lập quy hoạch phải đưa các nhà biệt thự nhóm một, nhóm hai vào quy hoạch để quản lý; đối với khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng mà có nhà biệt thự nhóm một, nhóm hai thì phải bổ sung các nhà biệt thự đó vào quy hoạch để quản lý.

4. Đối với nhà biệt thự thuộc tài sản công, ngoài thực hiện theo Quy định này thì được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc tài sản công.

5. Đối với nhà biệt thự là nhà công vụ, ngoài thực hiện theo Quy định này thì được quản lý, sử dụng theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý nhà ở công vụ.

#### **Điều 4. Lưu trữ, quản lý hồ sơ nhà biệt thự nhóm một và nhóm hai**

1. Thành phần hồ sơ lưu trữ: Giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp về nhà biệt thự; bản vẽ thiết kế, bản vẽ sơ đồ, hồ sơ hoàn công (nếu có).

2. Cơ quan quản lý, lưu trữ hồ sơ về nhà biệt thự: Sở Xây dựng là cơ quan quản lý nhà ở và công sở cấp tỉnh, chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ về nhà biệt thự nhóm một, nhóm hai trên địa bàn Thành phố.

#### **Điều 5. Quản lý, sử dụng nhà biệt thự nhóm một**

1. Việc quản lý, sử dụng nhà biệt thự nhóm một phải đảm bảo theo nguyên tắc được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Nhà ở.

2. Đối với nhà biệt thự gắn liền với di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng thì việc quản lý, sử dụng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hoá.

3. Việc sử dụng nhà biệt thự phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

#### **Điều 6. Quản lý, sử dụng nhà biệt thự nhóm hai**

1. Việc quản lý, sử dụng nhà biệt thự nhóm hai phải đảm bảo theo nguyên tắc được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 123 Luật Nhà ở.

2. Việc sử dụng nhà biệt thự phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

#### **Điều 7. Quản lý, sử dụng nhà biệt thự thuộc tài sản công**

1. Việc quản lý, sử dụng quỹ nhà biệt thự thuộc tài sản công phải thực hiện theo quy định tại các Điều 125, Điều 126, Điều 127 Luật Nhà ở; Điều 68 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở (sau đây gọi chung là Nghị định số 95/2024/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Nhà biệt thự thuộc tài sản công phải được thống kê, phân loại để quản lý, khai thác theo quy định.

3. Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm trong quản

lý sử dụng nhà biệt thự thuộc tài sản công.

## **Điều 8. Bảo trì, cải tạo nhà biệt thự**

### **1. Bảo trì nhà biệt thự**

a) Việc bảo trì nhà biệt thự được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý quy hoạch, kiến trúc, pháp luật về nhà ở và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Đối với nhà biệt thự gắn liền với di tích lịch sử - văn hoá thì việc bảo trì phải tuân thủ các quy định về sửa chữa, tu bổ, bảo quản và phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

c) Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, sử dụng nhà biệt thự có trách nhiệm bảo trì nhà biệt thự. Trong trường hợp người sử dụng không phải là chủ sở hữu muốn thực hiện việc bảo trì phần sở hữu riêng thì phải được chủ sở hữu đồng ý bằng văn bản.

Đối với nhà biệt thự có nhiều chủ sở hữu thì chủ sở hữu có trách nhiệm thực hiện bảo trì đối với phần sở hữu riêng và đóng góp kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà biệt thự đó cho người đại diện các chủ sở hữu trong nhà biệt thự với mức đóng góp theo thoả thuận giữa các chủ sở hữu; trường hợp không có thoả thuận thì kinh phí được phân bổ tương ứng với diện tích sở hữu riêng của từng chủ sở hữu.

d) Việc bảo trì nhà biệt thự phải bảo đảm an toàn cho người, tài sản và đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường.

### **2. Cải tạo nhà biệt thự**

a) Việc cải tạo nhà biệt thự đã được phân nhóm (bao gồm nhóm một, nhóm hai) được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 123, khoản 3 và khoản 4 Điều 131 Luật Nhà ở.

b) Đối với nhà biệt thự nhóm một: Trường hợp thuộc diện hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ sập đổ đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì các cơ quan cơ quan chuyên môn về xây dựng, kiến trúc và văn hóa phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện (nơi có nhà biệt thự) thực hiện khảo sát kiểm đếm, lưu trữ vật liệu gốc, hình ảnh nội thất, ngoại thất của công trình để làm cơ sở xem xét hướng dẫn cải tạo sửa chữa hoặc cấp giấy phép khi xây dựng lại; việc xây dựng bổ sung trong khuôn viên công trình kiến trúc có giá trị được thực hiện theo Quy chế quản lý kiến trúc do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Trường hợp sử dụng màu sắc, chất liệu khác biệt hoặc thay đổi công năng nhà biệt thự thì phải được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận sau khi có ý kiến góp ý của cơ quan chuyên môn về xây dựng, kiến trúc và văn hóa.

c) Đối với nhà biệt thự nhóm hai: Trường hợp thuộc diện hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ sập đổ đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì các cơ quan cơ quan chuyên môn về xây dựng, kiến trúc và văn hóa phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện (nơi có nhà biệt thự) thực hiện khảo sát kiểm đếm, lưu trữ vật liệu gốc, hình ảnh nội thất, ngoại thất của công trình để làm cơ sở xem xét hướng dẫn cải tạo sửa chữa hoặc cấp giấy phép khi xây dựng lại; việc xây dựng mới, xây dựng bổ sung trong khuôn viên công trình kiến trúc có giá trị được thực hiện theo Quy chế quản lý kiến trúc do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

## **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Xây dựng:**

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về nhà biệt thự; tổ chức triển khai thực hiện Quy định này để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Văn hoá và Thể thao, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện (nơi có nhà biệt thự) để thẩm định hoặc có ý kiến về việc bảo trì, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ, xây dựng lại đối với các nhà biệt thự cũ đã được phân loại vào nhóm một, nhóm hai.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện (nơi có nhà biệt thự) tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng đối với các nhà biệt thự cũ, nhất là các nhà biệt thự cũ đã được phân loại vào nhóm một, nhóm hai và các nhà biệt thự đang trong quá trình phân loại.

d) Lập và quản lý hồ sơ nhà biệt thự nhóm một, nhóm hai và nhà biệt thự thuộc tài sản công; chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi tự ý tháo dỡ, chia cắt nhà biệt thự cũ trái quy định pháp luật.

đ) Xây dựng kế hoạch khai thác quỹ nhà biệt thự thuộc tài sản công chưa bố trí sử dụng, đảm bảo có hiệu quả, tránh lãng phí để trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua trước khi triển khai thực hiện.

### **2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:**

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý quy hoạch,

kiến trúc đối với nhà biệt thự theo quy định, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, phân cấp.

b) Chủ trì thực hiện phân loại nhà biệt thự cũ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Phân loại biệt thự và Tổ Kỹ thuật.

Đẩy nhanh công tác đánh giá, phân loại nhà biệt thự cũ trên địa bàn Thành phố nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng nhà biệt thự theo Quy định này được kịp thời, đồng bộ.

c) Tham gia ý kiến cụ thể về hình thức kiến trúc và các yêu cầu có liên quan đối với nhà biệt thự cải tạo, xây dựng lại; chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung việc đánh giá, phân loại nhà biệt thự theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện (nơi có nhà biệt thự) trong việc đưa các nhà biệt thự nhóm một, nhóm hai vào quy hoạch chi tiết xây dựng để quản lý.

đ) Chủ trì cùng các Sở, ngành liên quan nghiên cứu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế khuyến khích, hỗ trợ việc cải tạo, trùng tu, phục hồi và khai thác có hiệu quả nhà biệt thự.

### 3. Sở Văn hóa và Thể thao:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố khi thực hiện việc bảo trì, cải tạo, xây dựng lại đối với nhà biệt thự gắn liền với di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng - kháng chiến đã được xếp hạng.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố việc cấp Giấy chứng nhận “Công trình có giá trị lịch sử văn hóa, di tích cách mạng - kháng chiến và kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu”.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Văn hoá và Thể thao nghiên cứu, đề xuất việc bố trí kinh phí để thực hiện việc lập hồ sơ quản lý, bảo trì, cải tạo, xây dựng lại nhà biệt thự thuộc tài sản công do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố quản lý; công trình thuộc tài sản công do các cơ quan thuộc Thành phố đang quản lý, sử dụng.

### 5. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện (nơi có nhà biệt thự):

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng đối với các nhà biệt thự cũ, nhất là các nhà biệt thự cũ đã được phân loại vào nhóm một, nhóm hai và các nhà biệt thự đang trong quá trình phân loại; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn triển khai công tác quản lý chặt chẽ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi tự ý tháo dỡ, chia cắt nhà biệt thự cũ trái quy định pháp luật.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan đến quản lý, sử dụng nhà biệt thự trên địa bàn dân cư.

c) Thực hiện đầy đủ chức năng, trách nhiệm, thẩm quyền trong việc: Hướng dẫn chủ sở hữu nhà biệt thự lập phương án xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

d) Kiểm tra, báo cáo rõ về hiện trạng và việc đảm bảo các điều kiện về bảo trì, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ nhà biệt thự trước khi đề xuất biện pháp giải quyết đối với đề nghị xem xét việc phá dỡ, xây dựng lại của chủ sở hữu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc các giấy tờ đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai; thực hiện trách nhiệm hướng dẫn chủ sở hữu nhà biệt thự thủ tục bảo trì, cải tạo; cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 103 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và khoản 37 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

đ) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khi không kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kịp thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn tăng cường công tác giám sát, quản lý các hoạt động xây dựng, trật tự xây dựng đối với trường hợp các tổ chức, cá nhân tự ý cải tạo, phá dỡ các nhà biệt thự cũ đã được phân loại vào nhóm một, nhóm hai và các nhà biệt thự đang trong quá trình phân loại trên địa bàn khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; giám sát, đôn đốc chủ sở hữu, sử dụng nhà biệt thự thực hiện việc bảo trì, cải tạo, phá dỡ, xây dựng lại đối với các nhóm nhà biệt thự được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

**6. Các tổ chức, cá nhân là chủ quản lý, sở hữu hoặc trực tiếp quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện:**

a) Thực hiện việc bảo trì, cải tạo, sửa chữa đối với nhà biệt thự và phần sở hữu riêng đối với nhà biệt thự nhiều chủ sở hữu; đóng góp đầy đủ, đúng thời hạn kinh phí

bảo trì phần sở hữu chung trong nhà biệt thự.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để người có trách nhiệm thực hiện việc bảo trì phần sở hữu chung trong nhà biệt thự.

c) Thực hiện đúng các quy định về phòng chống cháy, nổ; chữa cháy, vệ sinh công cộng, an ninh trật tự.

d) Khôi phục lại nguyên trạng hoặc bồi thường thiệt hại đối với phần sở hữu chung hoặc phần sở hữu riêng của chủ sở hữu khác trong nhà biệt thự bị hư hỏng do mình gây ra.

đ) Phát hiện và thông báo kịp thời những hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà biệt thự cho cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, cần sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại  
do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và  
Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính  
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện  
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung  
một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của*



Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro thiên tai trên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 263/TTr-SNN ngày 22 tháng 01 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2350/BC-STP-KTrVB ngày 18 tháng 5 năm 2023, Công văn số 6825/STP-KTrVB ngày 30 tháng 11 năm 2023, Công văn số 3601/STP-KTrVB ngày 12 tháng 6 năm 2024, Công văn số 50/STP-KTrVB ngày 03 tháng 01 năm 2025 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khác

phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn, áp dụng trong Quy định này, nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong Quy định này vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp có thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức bộ máy sau sắp xếp, sáp nhập theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

## **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định các mức hỗ trợ về chính sách trợ giúp cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa đá, sương mù, mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, cháy rừng do tự nhiên, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Riêng chính sách hỗ trợ khắc phục thiệt hại về tàu cá, ngư cụ áp dụng cho các tổ chức, cá nhân cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Đối với tàu cá đã có mua bảo hiểm thì được bồi thường theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

##### 2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra; hỗ trợ tổ chức, cá nhân có tàu cá, ngư cụ bị thiệt hại do thiên tai gây ra và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

#### Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ và chia sẻ cùng người dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật để nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống.

3. Công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, định mức.

4. Đối với các tàu hậu cần, tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước về khai thác thủy sản, không khai thác thủy sản bằng các loại nghề cấm theo quy định của pháp luật; chấp hành đúng các quy định về an toàn tàu cá và có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật (giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn thời hạn, giấy phép khai thác thủy sản còn thời hạn, sổ danh bạ thuyền viên).

## **Chương II**

### **CÁC CHÍNH SÁCH VÀ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

#### **Điều 3. Hỗ trợ chi phí mai táng, điều trị người bị thương nặng**

1. Hộ gia đình có người chết, mất tích được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị thương nặng tại nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện nơi cấp cứu, chữa trị cho đối tượng quyết định hỗ trợ theo mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ

giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xem xét, quyết định.

3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng theo mức 600.000 đồng/tháng được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 43/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 4. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở**

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai gây ra được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối thiểu 20.000.000 đồng/hộ.

#### **Điều 5. Hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu**

1. Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai.

2. Hỗ trợ nhu yếu phẩm thiết yếu:

Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai mà mất nhà ở và không có khả năng tự bảo đảm các nhu cầu thiết yếu thì được xem xét hỗ trợ: lều bạt, nước uống, thực phẩm, chăn màn, xoong nồi, chất đốt, xuống máy và một số mặt hàng thiết yếu khác phục vụ nhu cầu trước mắt, tại chỗ.

#### **Điều 6. Hỗ trợ khắc phục thiệt hại về tàu cá, ngư cụ**

1. Đối với vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu:

a) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc

phục được phải thay mới để tái sản xuất:

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 200.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 400.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

b) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên, nhưng chưa đến mức thiệt hại toàn bộ, buộc phải thay thế, sửa chữa để tái sản xuất, phần hỗ trợ này được tính chung cho cả chi phí trực vớt phương tiện (thân tàu, máy tàu):

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Các hộ gia đình, cá nhân có tàu bị thiệt hại do thiên tai gây ra sẽ được xem xét hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất căn cứ vào giá trị phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu với công suất, thiết kế (kích thước, tải trọng), xuất xứ (nơi sản xuất, nhãn hiệu) được ghi trên giấy xác nhận (hoặc giấy chứng nhận) đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại. Trường hợp phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ không thuộc danh mục Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm xác định mức giá trị của vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ tương đương, phù hợp với thực tế trên giấy xác nhận đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại.

2. Đối với thiệt hại ngư lưới cụ bị mất toàn bộ hoặc hư hỏng nặng, không thể khắc phục: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của ngư lưới cụ mua mới được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế, thay thế số ngư lưới cụ bị mất hoặc hư hỏng. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tàu cá, ngư lưới cụ.

### **Điều 7. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí chi hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra theo quy định tại Chương II Quy định này bao gồm:

1. Đối với thành phố Thủ Đức và 05 huyện: sử dụng nguồn dự phòng ngân sách theo quy định. Đối với 16 quận: sử dụng nguồn kinh phí điều hành phát triển kinh tế xã hội đã được bố trí dự toán.

2. Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố và nguồn Quỹ Phòng, chống thiên

tai được giữ lại của thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn (đảm bảo nội dung chi theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai).

3. Đóng góp, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Trường hợp ngân sách địa phương có khó khăn, không đủ kinh phí thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để được xem xét, giải quyết.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, các sở, ban, ngành có liên quan thống kê, tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố và địa phương có cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai gây ra kiểm tra, rà soát và tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hỗ trợ đối với tàu cá, ngư cụ bị thiệt hại, di dời nhà ở khẩn cấp do thiên tai gây ra.

#### **Điều 9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương kiểm tra, rà soát và tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hỗ trợ đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên tai được quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp hỗ trợ xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

#### **Điều 10. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.



**Điều 11. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện**

1. Thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ theo từng địa bàn phường, xã, thị trấn đảm bảo kịp thời, đúng chính sách và mức hỗ trợ theo quy định, cụ thể:

a) Tổ chức kiểm tra, thẩm định, quyết định hỗ trợ sau thiên tai:

Đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn: thành lập Hội đồng kiểm tra, đánh giá, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ thiệt hại gồm thành phần cơ bản của địa phương như sau: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ phụ trách công tác phòng chống thiên tai, Trưởng ấp, khu phố.

Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện: trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Tùy thực tế tình hình ảnh hưởng của thiên tai đến ngành, lĩnh vực nào, các địa phương bổ sung thành viên Hội đồng phụ trách ngành, lĩnh vực đó nhằm giúp cho việc đánh giá, thẩm định thiệt hại, áp dụng chế độ, chính sách hỗ trợ, cứu trợ chính xác, đúng quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm về các số liệu thiệt hại, mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra tại địa phương mình quản lý.

b) Tổng hợp, kiểm kê, đánh giá, định giá thiệt hại thực hiện theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra. Trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ

xã hội.

Đối với nhà ở của người dân bị thiệt hại phải thống kê rõ họ tên chủ hộ, địa chỉ, nhân khẩu, kết cấu nhà; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như nhà đổ, sập hoàn toàn, nhà hư hỏng nặng không ở được; đồng thời xác định nguồn gốc pháp lý rõ ràng của nhà ở bị thiệt hại.

Đối với tàu cá bị chìm, hư hỏng phải thống kê rõ chủ phương tiện, số hiệu, kích thước, tải trọng, công suất máy, ngư lưới cụ, vị trí khu vực bị chìm; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như bị mất, chìm, hư hỏng nặng, hư hỏng một phần cụ thể theo tỷ lệ % thiệt hại.

c) Thời gian tổ chức đánh giá, thẩm định thiệt hại, tổng hợp, báo cáo và đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi thiên tai kết thúc. Đối với thiên tai xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn thì thời gian được kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà ở, tàu cá, ngư cụ để khôi phục đời sống, sinh hoạt, sản xuất đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các ấp, khu phố theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ Phòng, chống thiên tai trích lại cho địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai; kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ kinh phí nếu nguồn dự phòng ngân sách của địa phương không đảm bảo.

5. Kết thúc đợt thiên tai, các địa phương tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính kết quả thực hiện hỗ trợ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 12. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc**

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở,

---

ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng